



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 4/2026

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định số 85/2026/NĐ-CP (NĐ 85) ngày 25/03/2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung

Nghị định này quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 127 Luật Bảo hiểm xã hội.

Theo đó, NĐ 85 đã quy định toàn diện về chế độ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội 2024, bao gồm phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phương thức tham gia cũng như cơ chế quản lý quỹ hưu trí bổ sung, nhằm hoàn thiện hệ thống bảo hiểm đa tầng và tăng cường an sinh xã hội cho người lao động.

NĐ 85 có 45 Điều và 5 Chương, quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 127 Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

Theo đó, đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được quy định tại Điều 4 NĐ 85 là người sử dụng lao động và người lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

Phương thức tham gia và mức đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung được quy định cụ thể tại Điều 5 NĐ 85 như sau:

- 1) Các đối tượng quy định tại Điều 4 NĐ 85 được tự nguyện tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung do các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí triển khai thông qua người sử dụng lao động.
 - Việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung không phải là điều kiện bắt buộc để tuyển dụng, ký kết, gia hạn hợp đồng lao động; người sử dụng lao động không được phân biệt đối xử, cản trở quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động thông qua việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung. Người sử dụng lao động không được gán việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung với chính sách khen thưởng, đánh giá thi đua và phúc lợi của doanh nghiệp đối với người lao động.
 - Mức đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung do người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện.
- 2) Căn cứ vào yêu cầu quản lý lao động và khả năng tài chính, người sử dụng lao động xây dựng văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung và thực hiện đồng bảo hiểm hưu trí bổ sung cho người lao động của doanh nghiệp mình theo văn bản thỏa thuận.
- 3) Điều kiện để người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp phải được nêu cụ thể tại văn bản thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động. Trường hợp người sử dụng lao động có điều kiện về thời gian làm việc tối thiểu đối với người lao động thì không quá 05 năm.
- 4) Người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp này khi đáp ứng điều kiện quy định tại Mục (3) hoặc khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Bị tử vong.
 - Đang mắc một trong những bệnh ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS.

- Có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng.
- Người lao động là công dân nước ngoài không tiếp tục cư trú tại Việt Nam hoặc có giấy phép lao động, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề hết hiệu lực mà không được gia hạn.

Nhìn chung, NĐ 85 đã hoàn thiện khung pháp lý về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo hướng tự nguyện, linh hoạt về mức đóng và thỏa thuận giữa người lao động với người sử dụng lao động, qua đó góp phần tăng cường an sinh xã hội và đa dạng hóa nguồn thu nhập khi về hưu.

2. Nghị định số 132/2026/NĐ-CP (NĐ 132) ngày 06/04/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2018/NĐ-CP (NĐ 41) ngày 12/03/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

Theo đó, NĐ 132 sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung liên quan đến quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán quy định tại NĐ 41. Trong đó, bổ sung quy định xử phạt hành chính về phòng chống rửa tiền trong kinh doanh dịch vụ kế toán.

Cụ thể, Điều 3 NĐ 132 bổ sung **Điều 35a. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong kinh doanh dịch vụ kế toán**

- 1) Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nhận biết khách hàng; quy định về đánh giá rủi ro; quy định về phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro
- 2) Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy định về lưu trữ, cung cấp và bảo đảm bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo
- 3) Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị
- 4) Xử phạt hành vi vi phạm quy định về giám sát giao dịch đặc biệt
- 5) Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, báo cáo hành vi nghi ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt
- 6) Xử phạt hành vi vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố
- 7) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong kinh doanh dịch vụ kế toán chưa được quy định tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 340/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/05/2026.



3. Thông tư số 41/2026/TT-BTC ngày 06/04/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa

Thông tư này hướng dẫn về kê khai, khấu trừ, nộp thuế, quyết toán thuế trên thị trường tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Theo đó, tổ chức có hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP (sau đây gọi là Tổ chức cung cấp dịch vụ), tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, các tổ chức này có hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế như sau:

1) Kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Hồ sơ khai thuế GTGT thực hiện theo quy định tại Mục 2 - Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thực hiện theo mẫu tại Mục II. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng - Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2) Kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Hồ sơ khai thuế TNDN thực hiện theo quy định tại Mục 7 - Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 373/2025/NĐ-CP.

Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thực hiện theo mẫu tại Mục VI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế TNDN - Phụ lục II Danh mục mẫu biểu hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2025/TT-BTC, Thông tư số 94/2025/TT-BTC, Thông tư số 21/2026/TT-BTC.

Tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý để nộp tiền thuế TNDN vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, số thuế TNDN đã tạm nộp được trừ với số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán thuế năm. Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, Tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam phải nộp hồ sơ quyết toán thuế năm.



3) Phương thức kê khai và cơ quan thuế

Tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại Chương IV, Chương VI Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4) Trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của Tổ chức cung cấp dịch vụ

Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay số thuế TNDN phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức nước ngoài) thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ; khấu trừ, nộp thuế thay số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa mà cá nhân (bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú) thực hiện thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ.

Thời điểm thực hiện khấu trừ: Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện khấu trừ số thuế TNDN, số thuế TNCN phải nộp đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài và cá nhân tại thời điểm xác nhận giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa thành công.

Số thuế TNDN, TNCN phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ quy định tại khoản 3 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 32/2026/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06/04/2026 và được thực hiện thí điểm theo thời gian thực hiện thí điểm quy định tại khoản 9 Điều 4 và khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.



II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 2495/CT-CS ngày 17/04/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế

Căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 12, Điều 7 và Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, về nguyên tắc trường hợp **nhập khẩu hàng hoá kèm dịch vụ** tại Việt Nam (có tách riêng giá trị hàng hoá và giá trị dịch vụ) thì tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu đối với hoạt động cung cấp dịch vụ là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu đối với hoạt động cung cấp dịch vụ là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động cung cấp máy móc, thiết bị là 1%.

2. Công văn số 2444/CT-CS ngày 16/04/2026 của Cục Thuế về đăng ký kinh doanh

Pháp luật hiện hành **không có quy định về việc đăng ký kinh doanh đối với cá nhân**. Trường hợp cá nhân đã thực hiện đăng ký hộ kinh doanh thì thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định đối với hộ kinh doanh. Trường hợp cá nhân chưa thực hiện đăng ký hộ kinh doanh thì thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC.

3. Công văn số 2470/CT-CS ngày 17/04/2026 của Cục Thuế về sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh

Qua nắm bắt thông tin, một số Thuế cơ sở ban hành thông báo về việc hộ kinh doanh có doanh thu năm 2025 từ 500 triệu đồng trở xuống sử dụng hóa đơn điện tử thì xác định là hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp và bị xử phạt. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Trường hợp các hộ kinh doanh có **doanh thu năm 2025 từ 500 triệu đồng trở xuống đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử** theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ và đã được cơ quan thuế chấp thuận sử dụng hóa đơn thì Cục Thuế yêu cầu:

- Các Thuế tỉnh, thành phố tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các hộ kinh doanh có nhu cầu được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử và tăng cường việc quản lý sử dụng hóa đơn, quản lý doanh thu của các hộ kinh doanh này đảm bảo đúng theo quy định.
- Đối với các văn bản, thông báo hoặc quyết định xử phạt đã ban hành chưa phù hợp, yêu cầu các Thuế tỉnh, thành phố rà soát để thu hồi, hủy bỏ theo quy định, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

4. Công văn số 2479/CT-CS ngày 17/04/2026 của Cục Thuế về thuế tài nguyên

Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận thầu thi công công trình, trong quá trình thi công có phát sinh sản lượng tài nguyên mà được phép của cơ quan quản lý nhà nước hoặc không trái quy định của pháp luật về quản lý khai thác tài nguyên, **khi thực hiện khai thác, sử dụng hoặc tiêu thụ thì phải khai, nộp thuế tài nguyên**; trường hợp đất do tổ chức, cá nhân **được giao, được thuê khai thác và sử dụng** tại chỗ trên diện tích đất được giao, được thuê thì được **miễn thuế tài nguyên**.



5. Công văn số 2398/CT-CS ngày 15/04/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Đối với thanh toán **trả chậm, trả góp** hàng hóa, dịch vụ có giá trị **từ 05 triệu đồng trở lên**, trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có **chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt** thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng; trường hợp sau khi đã kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh nghiệp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp thực hiện kê khai khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

6. Công văn số 2373/CT-CS ngày 15/04/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế

Về chi phí được trừ: Về nguyên tắc, trường hợp doanh nghiệp mượn đất và có công trình trên khu đất như trụ sở văn phòng, nhà xưởng, cửa hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì **được trích khấu hao tính vào chi phí được trừ** khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Về điều kiện khấu trừ đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào thực hiện theo quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC và các Thông tư sửa đổi, bổ sung.

7. Công văn số 2372/CT-CS ngày 15/04/2026 của Cục Thuế về tiền sử dụng đất

Trường hợp Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến **không bao gồm kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư** (được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp) thì cơ quan thuế phải ban hành **Thông báo nộp tiền sử dụng đất lần đầu** đảm bảo thời hạn ban hành Thông báo và thời hạn nộp tiền theo đúng quy định hiện hành. Khi Phiếu chuyển của cơ quan có thẩm quyền chuyển đến bổ sung Phiếu chuyển nêu trên về kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cơ quan thuế ban hành **Thông báo nộp tiền sử dụng đất điều chỉnh, bổ sung** Thông báo đã ban hành để bổ sung số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và điều chỉnh giảm số tiền sử dụng đất phải nộp tương ứng; các nội dung khác giữ nguyên như Thông báo đã ban hành. Theo hồ sơ kèm theo công văn số 1262/GLA-CNTK ngày 22/09/2025 của Thuế tỉnh Gia Lai thì thời hạn nộp thuế theo Thông báo số LTB2550719-TK0008884/TB-ĐT ngày 30/05/2025 là đúng quy định.

8. Công văn số 2269/CT-CS ngày 10/04/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế

Pháp luật về thuế GTGT giai đoạn trước và sau ngày 01/7/2025 đều quy định thống nhất về việc sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản **chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường** tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp A ký hợp đồng trồng trọt, chăn nuôi với doanh nghiệp B theo hình thức nhận tiền công từ doanh nghiệp B hoặc bán lại sản phẩm cho doanh nghiệp B thì bản chất sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi bán cho doanh nghiệp B (bao gồm tiền công trồng trọt, chăn nuôi nhận từ doanh nghiệp B) là sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi của tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra nên thuộc đối tượng **không chịu thuế GTGT**.



9. Công văn số 2354/CT-CS ngày 14/04/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế và quản lý thuế đối với HKD, CNKD

1. Mức doanh thu năm từ **500 triệu đồng trở xuống không chịu thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN** đối với hộ kinh doanh (HKD), cá nhân kinh doanh (CNKD) áp dụng từ 01/1/2026 được quy định tại Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15. Trường hợp HKD, CNKD có doanh thu trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng và lựa chọn phương pháp tính thuế TNCN theo thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế thì tính thuế TNCN đối với phần doanh thu vượt trên 500 triệu đồng.

2. Tỷ lệ % và doanh thu tính thuế đối với thuế GTGT thực hiện theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH25, thuế suất thuế TNCN thực hiện theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15. Các mức tỷ lệ này đã được áp dụng ổn định trong nhiều năm, phù hợp với đặc điểm hoạt động của HKD, CNKD. Các mức thuế suất thuế TNCN đối với HKD, CNKD áp dụng phương pháp tính thuế TNCN theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất là 15%, 17% và 20% được quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.

3. Ngày 05/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với HKD, CNKD và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 18/2026/TT-BTC quy định về hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với HKD, CNKD.

Theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP của Chính phủ thì HKD, CNKD nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử, cơ quan thuế có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho HKD, CNKD.

Cục Thuế đã xây dựng hệ thống mẫu biểu tờ khai đáp ứng yêu cầu về đơn giản hóa và ứng dụng chuyển đổi số, tạo thuận lợi cho HKD, CNKD khi thực hiện các thủ tục kê khai nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế.

4. Hiện nay có nhiều tổ chức, ngân hàng và đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ đang hỗ trợ HKD các phần mềm bán hàng, kế toán và hóa đơn điện tử tích hợp, thậm chí miễn phí trong giai đoạn đầu để HKD làm quen với phương thức quản lý mới. Bên cạnh đó, theo chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho khu vực kinh tế tư nhân, Nhà nước cũng hỗ trợ cung cấp các nền tảng số và phần mềm kế toán tích hợp hóa đơn điện tử cho HKD, giúp việc ghi chép, lập hóa đơn và kê khai thuế được thực hiện thuận tiện trên môi trường điện tử.

10. Công văn số 2268/CT-CS ngày 10/04/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng

Trường hợp doanh nghiệp trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ **300 triệu đồng trở lên** thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý, **trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác**. Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác là hàng hóa do cơ sở kinh doanh nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam sau đó trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, không bao gồm hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.

Đối với trường hợp nhập khẩu từ nước ngoài và bán vào khu phi thuế quan không thuộc trường hợp không hoàn thuế GTGT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Hải Nam
P. Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc
0916 020 113
nam.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trọng Hiếu
Chủ tịch HĐQT
0914 015 678
hieu.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc
0917 705 379
dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung
Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
0935 58 3456
trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông
Giám đốc Tư vấn - Đào tạo
0944 322 988
dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang
Trưởng phòng Tư vấn – Đào tạo
0933 224 968
giang.nguyen@ecovis.com.vn

